

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Áp dụng cho các khóa Đại học chính quy tuyển sinh từ năm 2024
(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-BVU ngày..... của Hiệu trưởng
Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chương trình đào tạo: Ngôn ngữ Anh
2. Chương trình đào tạo: Đại học
3. Ngành đào tạo:
 - Tên tiếng Việt: Ngôn ngữ Anh
 - Tên tiếng Anh: English Language
4. Mã ngành: 7220201
5. Loại hình đào tạo: Chính quy
6. Thời gian đào tạo: 3,5 năm
7. Tổng khối lượng kiến thức: 152 tín chỉ (120 tín chỉ tích lũy và 32 tín chỉ không tích lũy)
8. Tên văn bằng tốt nghiệp:
 - Tên tiếng Việt: Cử nhân Ngôn ngữ Anh
 - Tên tiếng Anh: Bachelor in English Language
9. Khoa chủ quản: Khoa Ngoại ngữ và Khoa học Xã hội
 - Địa chỉ văn phòng: Phòng 1.103, 80 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu
 - Điện thoại liên lạc: 0254 7305 456 (số nhánh 3121)
 - Website: <https://bvuu.edu.vn/khoa-ngoai-ngu-khoa-hoc-xa-hoi>
 - Email: khoangoaingu-khxxh@bvuu.edu.vn
10. Vị trí việc làm:

Sau khi tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu, sinh viên có thể làm việc ở nhiều vị trí như sau:

- Nhóm định hướng Quản trị văn phòng: Nhân viên quản trị văn phòng; Nhân viên quản lý dự án; Nhân viên quản trị nhân sự; Nhân viên điều hành du lịch; Nhân viên truyền thông, người dẫn chương trình; Trợ lý/quản trị kinh doanh.
- Nhóm định hướng Biên-Phiên dịch: Biên dịch viên; Phiên dịch viên; Biên tập viên; Thư ký văn phòng; Trợ lý đối ngoại; Hướng dẫn viên du lịch
- Nhóm định hướng Ngôn ngữ học và ngôn ngữ học ứng dụng: Giảng viên giảng dạy tiếng Anh; Cán bộ nghiên cứu khoa học chuyên ngành ngôn ngữ.

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung: Đào tạo sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh theo định hướng ứng dụng:
 - Có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức bảo vệ Tổ quốc và sức khỏe tốt;
 - Có đầy đủ kiến thức và kỹ năng cơ bản, chuyên sâu cùng kiến thức thực tế cần thiết trong các lĩnh vực liên quan đến ngành Ngôn ngữ Anh;

- Có khả năng làm việc độc lập, tự học, nghiên cứu, sáng tạo, khởi nghiệp;
- Có khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học đạt mức chuẩn tối thiểu của khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Có kỹ năng mềm cần thiết đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong lĩnh vực liên quan đến ngành Ngôn ngữ Anh trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể:

Kiến thức	
PO1	Cung cấp cho sinh viên đầy đủ kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng- an ninh, ngoại ngữ, tin học...
PO2	Trang bị cho sinh viên đầy đủ kiến thức về cơ sở ngành, chuyên ngành trong các lĩnh vực liên quan đến ngành Ngôn ngữ Anh để giải quyết các vấn đề chuyên môn.
Kỹ năng	
PO3	Phát triển kỹ năng sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, ngoại ngữ, kỹ năng mềm cho sinh viên trong các lĩnh vực liên quan đến ngành Ngôn ngữ Anh.
PO4	Xây dựng kỹ năng nhận thức, thực hành nghề nghiệp, giao tiếp ứng xử để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp trong lĩnh vực liên quan đến ngành Ngôn ngữ Anh.
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
PO5	Bồi dưỡng và rèn luyện cho sinh viên phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội và sức khỏe phục vụ công việc, bảo vệ đất nước.
PO6	Hình thành cho sinh viên có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tự học, học tập suốt đời để thích ứng trong mọi điều kiện làm việc thuộc lĩnh vực liên quan đến ngành Ngôn ngữ Anh.

* POs: Programme Objectives

III. CHUẨN ĐẦU RA

Kiến thức	
PLO1	Sinh viên có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và khoa học chính trị.
PLO2	Sinh viên có kiến thức công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.
PLO3	Sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng, kiến thức bổ trợ cần thiết để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực liên quan đến ngành Ngôn ngữ Anh.
PLO4	Sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp giảng dạy tiếng Anh, đánh giá trong giảng dạy ngôn ngữ, ứng dụng công nghệ trong giảng dạy tiếng Anh; biết được các phương thức chủ động nghiên cứu, sáng tạo, phát triển ý tưởng khởi nghiệp trong lĩnh vực liên quan đến ngành Ngôn ngữ Anh.
PLO5	Sinh viên có kiến thức cơ bản về tiếng Anh thương mại, tiếng Anh du lịch, tiếng Anh quản trị nhân sự, tiếng Anh nghiệp vụ văn phòng, tiếng Anh bán hàng và tiếp thị. Hiểu rõ và vận dụng được kiến thức về ngôn ngữ vào thực tế công việc. Có kiến thức thực tế từ doanh nghiệp, qua đó rèn luyện kỹ năng và thái độ để làm việc trong lĩnh vực liên quan đến ngành Ngôn ngữ Anh như: biên-phiên dịch các văn bản, trợ lý đối ngoại, hướng dẫn viên du lịch...

PLO6	Có thể học lên bậc sau đại học thuộc lĩnh vực ngành Ngôn ngữ Anh, các ngành phù hợp theo quy định của pháp luật. Nắm bắt được định hướng, xu hướng phát triển của ngành Ngôn ngữ Anh.
Kỹ năng	
PLO7	Có năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Cụ thể như sau: - Đối với Tiếng Trung: HSK3 hoặc tương đương - Đối với Tiếng Hàn: TOPIK 2 hoặc tương đương - Đối với Tiếng Nhật: JLPT N4 hoặc tương đương Có kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm Word, Excel, Powerpoint... theo chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist).
PLO8	Có kỹ năng giải quyết các tình huống thường gặp trong lĩnh vực liên quan đến ngành Ngôn ngữ Anh. Có kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề phức tạp: khả năng nhận biết, phân tích sự khác biệt về văn hóa của các quốc gia sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ giao tiếp chính, qua đó thích nghi với môi trường làm việc quốc tế.
PLO9	Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp
PLO10	Có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi...
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
PLO11	Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm. Biết tôn trọng sự khác biệt giữa các thành viên trong nhóm và tìm sự thống nhất thông qua thảo luận. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động thuộc lĩnh vực ngành Ngôn ngữ Anh.
PLO12	Tuân thủ quy định của luật pháp, tuân thủ chuẩn mực đạo đức và nguyên tắc nghề nghiệp. Tích cực tham gia các phong trào trong và ngoài trường nhằm trau dồi thêm kỹ năng sống và học tập cho mình.
PLO13	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. Bản lĩnh, tự tin với kiến thức đã học. Có sự đam mê nghề nghiệp trong lĩnh vực liên quan đến ngành Ngôn ngữ Anh, tinh thần học tập tự giác cao độ, luôn cập nhật kiến thức và sáng tạo trong học tập thông qua các hoạt động học thuật trong và ngoài trường và không ngừng học tập nâng cao kiến thức chuyên môn.

* PLOs: Programme Learning Outcomes

IV. CHUẨN ĐẦU VÀO

Chuẩn đầu vào của ngành Ngôn ngữ Anh thực hiện theo quy định trong Đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường.

V. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo của ngành Ngôn ngữ Anh hệ đại học chính quy được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường.

2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện tốt nghiệp của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh tuân thủ theo Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường.

VI. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ	TỈ LỆ
I. KIẾN THỨC TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG			
1	Kiến thức giáo dục đại cương	40	33,33%
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	80	66,67%
2.1.	<i>Cơ sở ngành, chuyên ngành</i>	62	
2.2.	<i>Học kỳ doanh nghiệp</i>	10	
2.3.	<i>Khóa luận tốt nghiệp/Các học phần thay thế</i>	8	
TỔNG CỘNG		120	100%
II. KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG			
1	Giáo dục quốc phòng và an ninh	08*	
2	Giáo dục thể chất	03*	
3	Chuẩn đầu ra tin học	06*	
4	Chuẩn đầu ra ngoại ngữ 2	12*	
5	Chuẩn đầu ra kỹ năng mềm	03*	
TỔNG CỘNG		32*	
<i>Ghi chú: (120 tín chỉ tích lũy tính điểm trong chương trình đào tạo và 32 tín chỉ có ký hiệu (*) không tích lũy điểm, nhưng bắt buộc học để hoàn thiện chuẩn đầu ra)</i>			

VII. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước	TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			40					09
1	0161122791	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	6		2

2	0161122792	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	4	0161122791	1
3	0161060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	4	0161122792	1
4	0161060016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	4	0161060020	1
5	0161060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	4	0161060016	1
6	0161124300	Tiếng Anh giao tiếp 1	3	3	0	6		
7	<i>Sinh viên chỉ chọn 01 trong 03 học phần 7a, 7b, 7c sau</i>							
7a	0161122000	Tiếng Trung 1	3	3	0	6		
7b	0161122006	Tiếng Hàn 1	3	3	0	6		
7c	0161121913	Tiếng Nhật 1	3	3	0	6		
8	<i>Sinh viên chỉ chọn 01 trong 03 học phần 8a, 8b, 8c sau</i>							
8a	0161122001	Tiếng Trung 2	3	3	0	6	0161122000	
8b	0161122007	Tiếng Hàn 2	3	3	0	6	0161122006	
8c	0161121914	Tiếng Nhật 2	3	3	0	6	0161121913	
9	0161123616	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	3	3	0	6		1
10	0161124150	Ngôn ngữ học (Linguistics)	3	3	0	6		
11	0161123996	Kỹ năng diễn đạt ngôn ngữ	3	3	0	6		
12	0161123627	Văn hóa sinh viên BVU	3	3	0	6		1
13	0161124308	Tiếng Anh giao tiếp 2	3	2	1	6	0161124300	
14	0161123447	Quản trị doanh nghiệp	2	2	0	4		1
15	0101120143	Văn hóa Anh - Mỹ (British - American culture)	3	3	0	6		
II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH			47					0
16	0161124309	Viết căn bản 1 (Basic Writing 1)	3	3	0	6		
17	0161124310	Viết căn bản 2 (Basic Writing 2)	3	3	0	6	0161124309	
18	0161121052	Nghe căn bản (Basic Listening)	3	3	0	6		
19	0161121054	Đọc căn bản (Basic Reading)	3	3	0	6		

20	0161121053	Nói căn bản (Basic Speaking)	3	3	0	6		
21	0161123658	Luyện âm tiếng Anh (English Pronunciation)	2	2	0	4		
22	0161123997	Ngữ pháp tiếng Anh (English Grammar)	2	2	0	4		
23	0161123631	Đọc cấp độ tiền trung cấp (Pre-intermediate Reading)	3	3	0	6	0161121054	
24	0161123633	Viết cấp độ tiền trung cấp (Pre-intermediate Writing)	3	3	0	6	0161121055	
25	0161123634	Nghe - nói cấp độ tiền trung cấp (Pre-intermediate Listening - Speaking)	3	3	0	6	0161121052	
26	0161123637	Đọc cấp độ trung cấp (Intermediate Reading)	3	3	0	6	0161123631	
27	0161123639	Viết cấp độ trung cấp (Intermediate Writing)	3	3	0	6	0161123633	
28	0161123640	Nghe-nói cấp độ trung cấp (Intermediate Listening - Speaking)	3	3	0	6	0161123634	
29	0161123641	Đọc cấp độ cao cấp (Upper-intermediate Reading)	3	3	0	6	0161123637	
30	0161123643	Viết cấp độ cao cấp (Upper-intermediate Writing)	3	3	0	6	0161123639	
31	0161123644	Nghe - nói cấp độ cao cấp (Upper-intermediate Listening - Speaking)	3	3	0	6	0161123640	
32	0161124146	Kiến tập định hướng ngành Ngôn ngữ Anh (Internship Orientation)	1	0	1	2		
III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			15					0
33	0161124147	Biên phiên dịch (Translation and Interpretation)	3	3	0	6	0161123644	

34	0161120307	Phiên dịch (Interpretation)	3	3	0	6		
35	0161120146	Ngôn ngữ học đối chiếu (Linguistic comparison)	3	3	0	6		
36	0161124347	Biên dịch nâng cao	2	2	0	4		
37	0161124151	Tiếng Anh nghiệp vụ văn phòng (English for Office Skills)	2	2	0	4		
38	0161121732	Tiếng Anh quản trị nhân sự (English for Human Resource Management)	2	2	0	4		
IV. HỌC KỲ DOANH NGHIỆP			10					0
39	0161124447	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4	8		
40	0161124465	Văn hóa doanh nghiệp	3	0	3	6		
41	0161124432	Thực hành kỹ năng nghề nghiệp	3	0	3	6		
V. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP HOẶC HỌC PHẦN THAY THẾ			8					2
<i>Sinh viên chỉ thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế</i>								
42	0161124555	Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Project)	8	8	0	16		
<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>								
42a	0161124556	Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	2	2	0	4		1
42b	0161124560	Kỹ năng tìm việc và khởi nghiệp	2	1	1	4		1
42c	0161124203	Thực hành biên phiên dịch nâng cao (Advanced Translation and Interpretation)	2	2	0	4		
42d	0161124154	Viết thư tín (Writing Correspondence)	2	2	0	4		
VI. KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG			32					0
43	0161060029	<i>Giáo dục quốc phòng và an ninh*</i>	8*	5	3	16		
44	0161123628	<i>Giáo dục thể chất*</i>	2*	0	2	4		
45	0161060025	<i>Giáo dục thể chất 2*</i>	1*	0	1	2	0161123628	

46	0161123664	Mos Word*	2*	1	1	4	0161123626	
47	0161123665	Mos Excel*	2*	1	1	4	0161123664	
48	0161121911	Mos Powerpoint*	2*	1	1	4	0161123665	
49	0161124313	Kỹ năng giao tiếp liên văn hóa	3*	3	0	6		
50	Sinh viên chỉ chọn 01 học phần trong 03 học phần CĐR sau							
50a	0161124208	Tiếng Trung CĐR 1*	3*	3	0	6	0161122001	
50b	0161124212	Tiếng Hàn CĐR 1*	3*	3	0	6	0161122007	
50c	0161124204	Tiếng Nhật CĐR 1*	3*	3	0	6	0161121914	
51	Sinh viên chỉ chọn 01 học phần CĐR 2 tiếp theo học phần CĐR 1 đã học, trong 03 học phần CĐR sau							
51a	0161124209	Tiếng Trung CĐR 2*	3*	3	0	6	0161124208	
51b	0161124213	Tiếng Hàn CĐR 2*	3*	3	0	6	0161124212	
51c	0161124205	Tiếng Nhật CĐR 2*	3*	3	0	6	0161124204	
52	Sinh viên chỉ chọn 01 học phần CĐR 3 tiếp theo học phần CĐR 2 đã học, trong 03 học phần CĐR sau							
52a	0161124210	Tiếng Trung CĐR 3*	3*	3	0	6	0161124209	
52b	0161124214	Tiếng Hàn CĐR 3*	3*	3	0	6	0161124213	
52c	0161124206	Tiếng Nhật CĐR 3*	3*	3	0	6	0161124205	
53	Sinh viên chỉ chọn 01 học phần CĐR 4 tiếp theo học phần CĐR 3 đã học, trong 03 học phần CĐR sau							
53a	0161124211	Tiếng Trung CĐR 4*	3*	3	0	6	0161124210	
53b	0161124215	Tiếng Hàn CĐR 4*	3*	3	0	6	0161124214	
53c	0161124207	Tiếng Nhật CĐR 4*	3*	3	0	6	0161124206	
Ghi chú: (120 tín chỉ tích lũy tính điểm trong chương trình đào tạo và 32 tín chỉ có ký hiệu (*) không tích lũy điểm, nhưng bắt buộc học để hoàn thiện chuẩn đầu ra)								

VIII. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CHI TIẾT

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước	TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
NĂM THỨ NHẤT								
HỌC KỲ 1			9					2
1	0161123616	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	3	3	0	6		1

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước	TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
2	0161124300	Tiếng Anh giao tiếp 1	3	3	0	6		
3	0161123627	Văn hóa sinh viên BVU	3	3	0	6		1
HỌC KỲ 2			17					
1	0161123664	Mos Word*	2	2	0	4		
2	0161121054	Đọc căn bản (Basic Reading)	3	3	0	6		
3	0161121052	Nghe căn bản (Basic Listening)	3	3	0	6		
4	0161121053	Nói căn bản (Basic Speaking)	3	3	0	6		
5	0161124308	Tiếng Anh giao tiếp 2	3	3	0	6	0161124300	
6	0161124313	Kỹ năng giao tiếp liên văn hoá	3	3	0	6		
HỌC KỲ 3			18					0
1	0161123665	Mos Excel*	2*	1	1	4	0161123664	
2	0161123634	Nghe - nói cấp độ tiền trung cấp (Pre-intermediate listening - speaking)	3	3	0	6	0161121052	
3	0161123631	Đọc cấp độ tiền trung cấp (Pre-intermediate reading)	3	3	0	6	0161121054	
4	0161123997	Ngữ pháp tiếng Anh (English Grammar)	2	2	0	4		
5	0161124309	Viết căn bản 1 (Basic Writing 1)	3	3	0	6		
6	0161123628	Giáo dục thể chất*	2*	0	2	4		
<i>Sinh viên chỉ chọn 01 trong 03 học phần sau</i>								
7a	0161121913	Tiếng Nhật 1 (Japanese 1)	3	3	0	6		
7b	0161122000	Tiếng Trung 1 (Chinese 1)	3	3	0	6		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước	TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
7c	0161122006	Tiếng Hàn 1 (Korean 1)	3	3	0	6		
NĂM THỨ HAI								
HỌC KỲ 4			22					2
1	0161060029	Giáo dục quốc phòng và an ninh*	8*	5	3	16		
2	0161121911	Mos Powerpoint*	2*	1	1	4	0161123665	
3	0161122791	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	6		2
4	0161123640	Nghe-nói cấp độ trung cấp (Intermediate listening - speaking)	3	3	0	6	0161123634	
5	0161124310	Viết căn bản 2 (Basic Writing 2)	3	3	0	6	0161124309	
<i>Sinh viên chỉ chọn 01 trong 03 học phần sau</i>								
6a	0161121914	Tiếng Nhật 2 (Japanese 2)	3	3	0	6	0161121913	
6b	0161122001	Tiếng Trung 2 (Chinese 2)	3	3	0	6	0161122000	
6c	0161122007	Tiếng Hàn 2 (Korean 2)	3	3	0	6	0161122006	
HỌC KỲ 5			17					4
1	0161122792	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	4	0161122791	1
2	0161123996	Kỹ năng diễn đạt ngôn ngữ	3	3	0	6		
3	0161123658	Luyện âm tiếng Anh (English Pronunciation)	2	2	0	4		
4	0161123637	Đọc cấp độ trung cấp (Intermediate reading)	3	3	0	6	0161123631	
5	0161123633	Viết cấp độ tiền trung cấp (Pre-intermediate writing)	3	3	0	6	0161124310	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước	TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
6	0161124146	Kiến tập định hướng ngành Ngôn ngữ Anh (Internship orientation)	1	0	1	2		
<i>Sinh viên chỉ chọn 01 trong 03 học phần CDR sau</i>								
7a	0161124204	Tiếng Nhật CDR 1 (Japanese CDR 1)*	3*	3	0	6	0161121914	
7b	0161124208	Tiếng Trung CDR 1 (Chinese CDR 1)*	3*	3	0	6	0161122001	
7c	0161124212	Tiếng Hàn CDR 1 (Korean CDR 1)*	3*	3	0	6	0161122007	
HỌC KỲ 6			11					1
1	0161060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	4	0161122792	1
2	0161124150	Ngôn ngữ học (Linguistics)	3	3	0	6		
3	0161123639	Viết cấp độ trung cấp (Intermediate writing)	3	3	0	6	0161123633	
<i>Sinh viên chỉ chọn 01 trong 03 học phần CDR sau</i>								
4a	0161124205	Tiếng Nhật CDR 2 (Japanese CDR 2)*	3*	3	0	6	0161124204*	
4b	0161124209	Tiếng Trung CDR 2 (Chinese CDR 2)*	3*	3	0	6	0161124208*	
4c	0161124213	Tiếng Hàn CDR 2 (Korean CDR 2)*	3*	3	0	6	0161124212*	
NĂM THỨ BA								
HỌC KỲ 7			20					1
1	0161060016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	4	0161060020	1
2	0161120143	Văn hóa Anh - Mỹ (British - American culture)	3	3	0	6		
3	0161124147	Biên phiên dịch (Translation and interpretation)	3	3	0	6	0161123640	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước	TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
4	0161123641	Đọc cấp độ cao cấp (Upper-intermediate reading)	3	3	0	6	0161123637	
5	0161123643	Viết cấp độ cao cấp (Upper-intermediate writing)	3	3	0	6	0161123639	
6	0161123644	Nghe - Nói cấp độ cao cấp (Upper-intermediate listening - speaking)	3	3	0	6	0161123640	
<i>Sinh viên chỉ chọn 01 trong 03 học phần sau</i>								
7a	0161124206	Tiếng Nhật CDR 3 (Japanese CDR 3)*	3*	3	0	6	0161124205*	
7b	0161124210	Tiếng Trung CDR 3 (Chinese CDR 3)*	3*	3	0	6	0161124209*	
7c	0161124214	Tiếng Hàn CDR 3 (Korean CDR 3)*	3*	3	0	6	0161124213*	
HỌC KỲ 8			18					2
1	0161060025	Giáo dục thể chất 2*	1*	0	1	2	0161123628	
2	0161060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	4	0161060020	1
3	0161123447	Quản trị doanh nghiệp	2	2	0	4		1
4	0161120307	Phiên dịch (Interpretation)	3	3	0	6		
5	0161120146	Ngôn ngữ học đối chiếu (Linguistic comparison)	3	3	0	6		
6	0161124347	Biên dịch nâng cao	2	2	0	4		
7	0161124151	Tiếng Anh nghiệp vụ văn phòng (English for Office Skills)	2	2	0	4		
<i>Sinh viên chọn 01 trong 03 học phần CDR sau</i>								
8a	0161124207	Tiếng Nhật CDR 4 (Japanese CDR 4)*	3*	3	0	6	0161124206*	
8b	0161124211	Tiếng Trung CDR 4 (Chinese CDR 4)*	3*	3	0	6	0161124210*	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước	TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
8c	0161124215	Tiếng Hàn CDR 4 (Korean CDR 4)*	3*	3	0	6	0161124214*	
HỌC KỲ 9 (Học kỳ doanh nghiệp)			10					
1	0161124447	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4	8		
2	0161124465	Văn hóa doanh nghiệp	3	0	3	6		
3	0161124432	Thực hành kỹ năng nghề nghiệp	3	0	3	6		
NĂM THỨ TƯ								
HỌC KỲ 10			10					2
1	0161121732	Tiếng Anh quản trị nhân sự (English for Human Resource Management)	2	2	0	4		
<i>Sinh viên chỉ thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế</i>								
2	0161124555	Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Project)	8	8	0	16		
<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>								
2a	0161124556	Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	2	2	0	4		1
2b	0161124560	Kỹ năng tìm việc và khởi nghiệp	2	1	1	4		1
2c	0161124203	Thực hành biên phiên dịch nâng cao (Advanced Translation and Interpretation)	2	2	0	4		
2d	0161124154	Viết thư tín (Writing Correspondence)	2	2	0	4		
<i>Ghi chú: (120 tín chỉ tích lũy tính điểm trong chương trình đào tạo và 32 tín chỉ có ký hiệu (*) không tích lũy điểm, nhưng bắt buộc học để hoàn thiện chuẩn đầu ra)</i>								

IX. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ bố trí	Sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình												
				P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	P L O 9	P L O 10	P L O 11	P L O 12	P L O 13
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																
1	0161122791	Triết học Mác - Lênin	4	X											X	
2	0161122792	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	5	X											X	
3	0161060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	6	X											X	
4	0161060016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	7	X											X	
5	0161060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8	X											X	
6	0161124300	Tiếng Anh giao tiếp 1	1			X				X				X		X
7	0161124308	Tiếng Anh giao tiếp 2	2			X				X				X		X
8	Sinh viên chỉ chọn 01 trong 03 học phần 7a, 7b, 7c sau															
8a	0161122000	Tiếng Trung 1	3			X				X				X		X
8b	0161122006	Tiếng Hàn 1	3			X				X				X		X
8c	0161121913	Tiếng Nhật 1	3			X				X				X		X
9	Sinh viên chỉ chọn 01 trong 03 học phần 8a, 8b, 8c sau															
9a	0161122001	Tiếng Trung 2	4			X				X				X		X
9b	0161122007	Tiếng Hàn 2	4			X				X				X		X
9c	0161121914	Tiếng Nhật 2	4			X				X				X		X
10	0161123616	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	1				X	X								X
11	0161124150	Ngôn ngữ học	6			X			X							X
12	0161123996	Kỹ năng diễn đạt ngôn ngữ	5			X								X		X
13	0161123627	Văn hóa sinh viên BVU	1		X										X	
14	0161123447	Quản trị doanh nghiệp	8			X		X				X		X	X	
15	0101120143	Văn hóa Anh-Mỹ	7			X					X			X		X
II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH																
16	0161121052	Nghe căn bản (Basic Listening)	2			X			X					X		X

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ bố trí	Sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình												
				P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	P L O 9	P L O 10	P L O 11	P L O 12	P L O 13
17	0161121054	Đọc căn bản (Basic Reading)	2			X			X					X		X
18	0161121053	Nói căn bản (Basic speaking)	2			X			X					X		X
19	0161124309	Viết căn bản 1 (Basic Writing 1)	3			X			X					X		X
20	0161124310	Viết căn bản 2 (Basic Writing 2)	4			X			X					X		X
21	0161123658	Luyện âm tiếng Anh (English Pronunciation Practice)	5			X			X					X		X
22	0161123997	Ngữ pháp tiếng Anh (English grammar)	3			X			X					X		X
23	0161123631	Đọc cấp độ tiền trung cấp (Pre-intermediate reading)	3			X			X					X		X
24	0161123633	Viết cấp độ tiền trung cấp (Pre-intermediate writing)	5			X			X					X		X
25	0161123634	Nghe - nói cấp độ tiền trung cấp (Pre-intermediate listening - speaking)	3			X			X					X		X
26	0161123637	Đọc cấp độ trung cấp (Intermediate reading)	5			X			X					X		X
27	0161123639	Viết cấp độ trung cấp (Intermediate writing)	6			X			X					X		X
28	0161123640	Nghe-nói cấp độ trung cấp (Intermediate listening - speaking)	4			X			X					X		X
29	0161123641	Đọc cấp độ cao cấp	7			X			X					X		X

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ bố trí	Sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình												
				P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	P L O 9	P L O 10	P L O 11	P L O 12	P L O 13
		(Upper-intermediate reading)														
30	0161123643	Viết cấp độ cao cấp (Upper-intermediate writing)	7			X			X					X		X
31	0161123644	Nghe - nói cấp độ cao cấp (Upper-intermediate listening - speaking)	7			X			X					X		X
32	0161124146	Kiến tập định hướng ngành Ngôn ngữ Anh (Internship orientation)	5			X	X	X						X	X	X
III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH																
33	0161124147	Biên phiên dịch (Translation and interpretation)	7			X		X			X			X		
34	0161120307	Phiên dịch (Interpretation)	8			X		X	X		X			X		X
35	0161120146	Ngôn ngữ học đối chiếu (Linguistic comparison)	8			X		X			X	X		X		X
36	0161124347	Biên dịch nâng cao	8			X		X			X	X		X		X
37	0161124151	Tiếng Anh nghiệp vụ văn phòng (English for Office Skills)	8			X		X			X	X	X	X		X
38	0161121732	Tiếng Anh quản trị nhân sự (English for Human Resource Management)	8			X		X	X		X	X	X	X		X
IV. HỌC KỲ DOANH NGHIỆP																
39	0161124447	Thực tập tốt nghiệp	9				X	X				X	X	X		
40	0161124465	Văn hóa doanh nghiệp	9				X	X				X	X	X		
41	0161124432	Thực hành kỹ năng nghề nghiệp	9				X	X				X	X	X		
V. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP HOẶC HỌC PHẦN THAY THẾ																

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ bố trí	Sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình												
				P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	P L O 9	P L O 10	P L O 11	P L O 12	P L O 13
Sinh viên chỉ thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế																
42	0161124555	Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Project)	10			X	X	X			X			X		X
Các học phần thay thế khóa luận																
42a	0161124556	Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	10	X							X	X		X		
42b	0161124560	Kỹ năng tìm việc và khởi nghiệp	10				X					X		X		
42c	0161124203	Thực hành biên phiên dịch nâng cao (Advanced Translation and Interpretation)	10			X		X			X			X		
42d	0161124154	Viết thư tín (Writing Correspondence)	10			X		X			X			X		
VI. KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG																
43	0161060029	Giáo dục quốc phòng và an ninh*	4	X											X	
44	0161123628	Giáo dục thể chất *	1	X											X	
45	0161060025	Giáo dục thể chất 2*	8	X											X	
46	0161123664	Mos Word*	2		X					X						
47	0161123665	Mos Excel*	3		X					X						
48	0161121911	Mos Powerpoint*	4		X					X						
49	0161124313	Kỹ năng giao tiếp liên văn hóa*	2	X						X				X		
50	Sinh viên chỉ chọn 01 học phần trong 03 học phần CDR sau															
50a	0161124208	Tiếng Trung CDR 1*	5			X				X				X		X
50b	0161124212	Tiếng Hàn CDR 1*	5			X				X				X		X
50c	0161124204	Tiếng Nhật CDR 1*	5			X				X				X		X
51	Sinh viên chỉ chọn 01 học phần CDR 2 tiếp theo học phần CDR 1 đã học, trong 03 học phần CDR sau															
51a	0161124209	Tiếng Trung CDR 2*	6			X				X				X		X
51b	0161124213	Tiếng Hàn CDR 2*	6			X				X				X		X
51c	0161124205	Tiếng Nhật CDR 2*	6			X				X				X		X

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ bố trí	Sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình												
				P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	P L O 9	P L O 10	P L O 11	P L O 12	P L O 13
52	Sinh viên chỉ chọn 01 học phần CDR 3 tiếp theo học phần CDR 2 đã học, trong 03 học phần CDR sau															
52a	0161124210	Tiếng Trung CDR 3*	7			X				X				X		X
52b	0161124214	Tiếng Hàn CDR 3*	7			X				X				X		X
52c	0161124206	Tiếng Nhật CDR 3*	7			X				X				X		X
53	Sinh viên chỉ chọn 01 học phần CDR 4 tiếp theo học phần CDR 3 đã học, trong 03 học phần CDR sau															
53a	0161124211	Tiếng Trung CDR 4*	8			X				X				X		X
53b	0161124215	Tiếng Hàn CDR 4*	8			X				X				X		X
53c	0161124207	Tiếng Nhật CDR 4*	8			X				X				X		X

X. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
1	0161122791	Triết học Mác - Lênin	3	Học phần này cung cấp kiến thức chung nhằm trang bị thể giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng duy vật cho người học. Học phần giúp người học xác định đúng vai trò, vị trí của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội, nâng cao bản lĩnh chính trị, từng bước hình thành những giá trị văn hóa và nhân sinh quan tốt đẹp, củng cố lý tưởng, niềm tin vào con đường và sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước.
2	0161122792	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Học phần này trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi về quá trình sản xuất, trao đổi, tiêu dùng của cải vật chất qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội loài người. Thông qua đó, làm rõ bản chất của các quá trình và các hiện tượng kinh tế, tìm ra quy luật vận động của nền kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn hiện nay.
3	0161060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, nghiên cứu những quy luật tất yếu của sự ra đời Hình thái kinh tế Cộng sản Chủ nghĩa, những vấn đề Chính trị -

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
				Xã hội có tính qui luật trong tiến trình cách mạng Xã hội Chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay.
4	0161060034	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Học phần bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, cung cấp các kiến thức cơ bản về: sự ra đời của Đảng, quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng qua các giai đoạn, thành công, hạn chế, bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng. Học phần giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN.
5	0161120600	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần cung cấp cho người học kiến thức cốt lõi về: sự hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội: Đảng Cộng Sản và Nhà nước Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người và sự vận dụng của Đảng Cộng sản trong cách mạng Việt Nam. Học phần giúp người học nhận thức được vai trò, giá trị của Tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.
6	0161124300	Tiếng Anh giao tiếp 1	3	Học phần Tiếng Anh giao tiếp 1 cung cấp kiến thức không chỉ về ngôn ngữ, còn giúp người học hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thuộc các chủ đề giao tiếp thường gặp hàng ngày như: tâm lý xã hội, giáo dục, trường học, văn hóa, xã hội, các hoạt động vui chơi giải trí, thư giãn... Học phần này cũng trang bị cho người học các kỹ năng trình bày, giao tiếp bằng mắt, kỹ năng ghi chú, kỹ năng tư duy, kỹ năng lắng nghe... trong suốt quá trình học.
7	0161122000	Tiếng Trung 1	3	Học phần rèn luyện kỹ năng phát âm bao gồm thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu, âm tiết, thanh nhẹ và biến điệu...; Mô tả, phân tích cấu tạo chữ Hán, nét cơ bản và quy tắc viết chữ Hán...; Ngoài ra, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung cơ bản như chào hỏi, cảm ơn, tình hình học tập, giới thiệu, làm quen..., qua đó các em hiểu thêm về vài nét văn hoá giao tiếp của người Trung Quốc.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
8	0161122006	Tiếng Hàn 1	3	Học phần cung cấp cho sinh viên các âm, từ vựng, ngữ pháp căn bản. Dựa vào đó, sinh viên sẽ làm bài tập và thực hành giao tiếp, đặt các câu theo từ vựng và ngữ pháp đã học thuộc các chủ đề: trường học, sinh hoạt hàng ngày, công việc.
9	0161121913	Tiếng Nhật 1	3	Học phần cung cấp cho người học 2 bảng chữ cái Hiragana, Katakana, nhận biết một số chữ Kanji đơn giản. Được trang bị kiến thức từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ, các phương pháp dạy và học đổi mới theo mục tiêu “Can do”. Được cập nhật kiến thức về Văn hóa Nhật Bản và con người Nhật Bản.
10	0161122001	Tiếng Trung 2	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về từ vựng và kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung cơ bản như hỏi thăm, sở thích, mua sắm, đổi tiền...
11	0161122007	Tiếng Hàn 2	3	Cung cấp cho sinh viên các từ vựng, ngữ pháp căn bản. Dựa vào đó, sinh viên sẽ làm bài tập và thực hành giao tiếp, đặt các câu theo từ vựng và ngữ pháp đã học thuộc các chủ đề: cuối tuần, thức ăn, nhà cửa, gia đình.
12	0161121914	Tiếng Nhật 2	3	Học phần Tiếng Nhật 2 hướng cho người học phát triển vốn từ vựng, các cách diễn đạt theo chủ điểm bài học, Tự giác vận dụng vốn từ vựng, các cách diễn đạt được học để giao tiếp, tiếp cận bài đọc hiểu, luyện viết theo chủ đề về cuộc sống, hoạt động ngày nghỉ, về thành phố, về việc mua sắm.
13	0161123616	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các phương pháp học đại học, học Ngôn ngữ, những lý do học Ngôn ngữ Anh. Học phần giúp người học có cái nhìn đúng về ngành Ngôn ngữ Anh và lựa chọn, định hướng cách học phù hợp.
14	0161124150	Ngôn ngữ học	3	Học phần trang bị cho người học kiến thức về quy tắc về cấu tạo từ và cấu trúc câu trong tiếng Anh, từ đó mở rộng quy mô từ vựng cho bản thân và sử dụng câu hiệu quả trong nói và viết tiếng Anh; được các loại nghĩa của từ và câu trong tiếng Anh từ đó điều chỉnh ngôn ngữ trong các tình huống hàng ngày; hiểu được Ngôn ngữ học và ứng dụng của Ngôn ngữ học trong lĩnh vực dạy tiếng và nghiên cứu ngôn ngữ.
15	0161123996	Kỹ năng diễn đạt ngôn ngữ	3	Học phần trang bị cho người học kiến thức về tính logic ngôn ngữ, tính liên kết mạch lạc trong văn bản,

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
				phân tích nghĩa và dụng ý trong tư duy người nói, viết. Học phần giúp người học kỹ năng lập luận logic và thuyết phục người nghe.
16	0161123627	Văn hóa sinh viên BVU	3	Học phần giới thiệu đến sinh viên văn hóa, lịch sử hình thành, phát triển BVU và tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, từ đó giúp sinh viên hiểu và tự hào về ngôi trường đang học tập cũng như nơi mình đang sinh sống. Ngoài ra học phần còn giúp sinh viên trang bị những kiến thức, kỹ năng để chủ động hội nhập, trải nghiệm và phát triển trong môi trường đa văn hóa và định hướng quốc tế.
17	0161124308	Tiếng Anh giao tiếp 2	3	Học phần Tiếng Anh giao tiếp 2 cung cấp kiến thức ngôn ngữ, giúp người học hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thuộc các chủ đề giao tiếp thường gặp hàng ngày như du lịch, sức khỏe, ứng dụng công nghệ trong các lĩnh vực cuộc sống, những vấn đề thường gặp về nhà ở, căn hộ...và cách giải quyết. Học phần này cũng trang bị cho người học các kỹ năng trình bày, giao tiếp bằng mắt, kỹ năng ghi chú, kỹ năng tư duy, kỹ năng lắng nghe... trong suốt quá trình học.
18	0161123447	Quản trị doanh nghiệp	2	Học phần trang bị cho người học kiến thức về các cơ chế, cấu trúc, quy định, điều hành và kiểm soát doanh nghiệp. Học phần giúp sinh viên xác định quy mô, quyền hạn và trách nhiệm của các thành viên trong doanh nghiệp và áp dụng được các kiến thức bài học cho định hướng nghề nghiệp tương lai.
19	0161124309	Viết căn bản 1	3	Học phần Viết căn bản 1 giúp sinh viên hiểu được các thành phần cơ bản của câu, phân biệt được các loại câu trong tiếng Anh, nắm được cách viết câu có sử dụng thì hiện tại, quá khứ, tương lai và các kiến thức ngôn ngữ khác. Môn học cũng cung cấp lý thuyết nền tảng về cách viết một đoạn văn: các thành tố cấu thành đoạn văn, sự rõ ràng và gắn kết trong đoạn văn, và cách viết một số loại đoạn văn cụ thể.
20	0161120143	Văn hóa Anh - Mỹ	3	Học phần trang bị cho người học kiến thức về các đặc trưng văn hóa của các nước Anh và Mỹ, từ đó so sánh với văn hóa Việt Nam, và áp dụng được các kiến thức

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
				về văn hóa trong giao tiếp và làm việc với người nước ngoài.
21	0161121052	Nghe căn bản	3	Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe hiệu quả trong tiếng Anh. Học phần này còn cung cấp vốn từ vựng liên quan đến một số chủ đề như thương mại, khoa học nhận thức, xã hội học, sinh lý học, tâm lý học, marketing, khoa học hành vi. Ngoài ra, sinh viên còn được học các kỹ năng trình bày, giao tiếp bằng mắt, kỹ năng ghi chú, kỹ năng tư duy, kỹ năng lắng nghe trong suốt quá trình học. Mỗi một bài học được thiết kế sinh động, bố cục logic về các chủ đề khác nhau để thu hút sinh viên.
22	0161121054	Đọc căn bản	3	Học phần bao gồm 8 đơn vị bài học về các chủ đề: Business, Cognitive Science, Sociology, Physiology, Sports Science, Communication, Behavioral Science, và Psychology. Mỗi bài học cung cấp cho người học từ vựng liên quan đến chủ đề, đồng thời hướng dẫn cho SV kỹ năng đọc nhanh để tìm ý chính hoặc các ý minh họa, ... Người học cũng được rèn luyện kỹ năng sử dụng từ điển để mở rộng vốn từ và phương pháp học từ vựng hiệu quả ở cấp độ cơ bản. Ngoài ra, người học còn rèn luyện kỹ năng trình bày ý kiến của mình cũng như phản biện các vấn đề được nêu ra trong bài đọc.
23	0161121053	Nói căn bản	3	Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng nói tiếng Anh hiệu quả. Học phần này còn cung cấp vốn từ vựng liên quan đến một số chủ đề như thương mại, khoa học nhận thức, xã hội học, sinh lý học, tâm lý học, marketing, khoa học hành vi. Ngoài ra, sinh viên còn được học các kỹ năng trình bày, giao tiếp bằng mắt, kỹ năng tư duy, kỹ năng nói trong suốt quá trình học. Mỗi một bài học được thiết kế sinh động, bố cục logic về các chủ đề khác nhau để thu hút sinh viên.
24	0161124310	Viết căn bản 2	3	Học phần Viết căn bản 2 trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng để viết một bài viết học thuật ở trình độ cao hơn với những bài mẫu giải thích rõ ràng về cấu trúc câu, tổ chức đoạn văn và ngữ pháp. Học phần đi sâu vào phần thực hành sâu rộng giúp người học tiếp thu tài liệu và viết một cách chính xác

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
				và tự tin. Bên cạnh đó học phần còn hướng dẫn kỹ năng viết tạp chí giúp học viên có thể viết các bài báo học thuật bên cạnh các bài tập viết theo đoạn văn trang trọng. Học phần giúp sinh viên viết những bài viết học thuật chuẩn, đúng trọng tâm và là nền tảng để sinh viên viết tốt bằng tiếng anh.
25	0161123658	Luyện âm tiếng Anh	2	Học phần cung cấp kiến thức về hệ thống âm tiếng Anh: phụ âm, nguyên âm, bán nguyên âm; khái niệm trọng âm, các quy tắc trọng âm; các quy tắc phát âm phổ biến trong câu trần thuật, câu hỏi.
26	0161123997	Ngữ pháp tiếng Anh	2	Học phần giúp người học hiểu biết về cách dùng các điểm ngữ pháp tiếng Anh và biết sử dụng phù hợp các điểm ngữ pháp này khi nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề như: giải trí, văn hóa, giáo dục, môi trường, việc làm, sức khỏe ...
27	0161123631	Đọc cấp độ tiên trung cấp	3	Học phần bao gồm 8 đơn vị bài học về các chủ đề: Marketing, Psychology, Social Psychology, Technology, Business, Brain Science, Environmental Science và Public Health. Mỗi bài học mở rộng thêm cho người học vốn từ vựng liên quan đến các chủ đề, đồng thời củng cố kỹ năng đọc nhanh để tìm ý chính hoặc các ý minh họa.... Người học cũng được rèn luyện kỹ năng sử dụng từ điển để mở rộng vốn từ và phương pháp học từ vựng hiệu quả ở cấp độ cơ bản. Ngoài ra, người học còn rèn luyện kỹ năng trình bày ý kiến của mình cũng như phản biện các vấn đề được nêu ra trong bài đọc.
28	0161123633	Viết cấp độ tiên trung cấp	3	Học phần gồm 7 đơn vị bài học. Nội dung của học phần xoay quanh cấu trúc của câu, bố cục và cách xây dựng và phát triển ý cho một đoạn văn học thuật trong tiếng Anh. Cụ thể, giới thiệu và luyện cách viết câu chủ đề, câu bổ trợ và câu kết đoạn, cách viết các loại đoạn văn khác nhau như đoạn văn miêu tả người hoặc vật, đoạn văn miêu tả quá trình, đoạn văn tường thuật, đoạn văn nghị luận, v.v...giúp sinh viên hiểu rõ và nâng cao kỹ năng viết của mình.
29	0161123634	Nghe - nói cấp độ tiên trung cấp	3	Học phần trang bị cho sinh viên một số kỹ năng nghe và nói hiệu quả trong tiếng Anh. Học phần này còn

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
				cung cấp vốn từ vựng liên quan đến một số chủ đề thông dụng hàng ngày như kinh tế, marketing, tâm lý, tâm lý xã hội, kỹ thuật, xã hội học, khoa học hành vi, khoa học môi trường, và sức khỏe cộng đồng. Ngoài ra, sinh viên còn được học các kỹ năng trình bày, giao tiếp bằng mắt, kỹ năng ghi chú, kỹ năng tư duy, kỹ năng lắng nghe... trong suốt quá trình học.
30	0161123637	Đọc cấp độ trung cấp	3	Học phần bao gồm 08 đơn vị bài học về các chủ đề: Sociology, Nutritional Science, Information Technology, Marketing, Psychology, Neurology, Economics và Behavioral Studies. Mỗi bài học mở rộng thêm cho người học vốn từ vựng liên quan đến các chủ đề, đồng thời củng cố kỹ năng đọc nhanh để tìm ý chính hoặc các ý minh họa.... Người học cũng được rèn luyện kỹ năng sử dụng từ điển để mở rộng vốn từ và phương pháp học từ vựng hiệu quả ở cấp độ cơ bản. Ngoài ra, người học còn rèn luyện kỹ năng trình bày ý kiến của mình cũng như phản biện các vấn đề được nêu ra trong bài đọc.
31	0161123639	Viết cấp độ trung cấp	3	Học phần tập trung bồi dưỡng cho sinh viên cách xây dựng dàn ý, phát triển câu chủ đề, câu hỗ trợ, câu kết đoạn; cũng như sắp xếp, liên kết các ý cho bài luận học thuật trong tiếng Anh một cách hiệu quả. Trong học phần này, sinh viên sẽ luyện tập kỹ năng viết bài luận ngắn thuộc các thể loại khác nhau như so sánh - đối chiếu, trình bày quan điểm, nguyên nhân-giải pháp/ hệ quả. Trong mỗi bài học, sinh viên được cung cấp kiến thức ngữ pháp, ngôn ngữ cụ thể, phù hợp với từng thể loại văn.
32	0161123640	Nghe-nói cấp độ trung cấp	3	Học phần trang bị cho sinh viên một số kỹ năng nghe và nói hiệu quả trong tiếng Anh. Học phần này còn cung cấp vốn từ vựng liên quan đến một số chủ đề thông dụng hàng ngày như xã hội học, khoa học sức khỏe, tâm lý, marketing, khoa học hành vi, thần kinh học và kinh tế học. Ngoài ra, sinh viên còn được học các kỹ năng trình bày, giao tiếp bằng mắt, kỹ năng ghi chú, kỹ năng tư duy, kỹ năng lắng nghe... trong suốt quá trình học.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
33	0161123641	Đọc cấp độ cao cấp	3	Học phần bao gồm 8 đơn vị bài học về các chủ đề: Sociology, Behavioral Science, Developmental Psychology, Science and Technology, Nutritional Science, Education, Geology và Engineering. Mỗi bài học mở rộng thêm cho người học vốn từ vựng liên quan đến các chủ đề, đồng thời củng cố kỹ năng đọc nhanh để tìm ý chính hoặc các ý minh họa.... Người học cũng được rèn luyện kỹ năng sử dụng từ điển để mở rộng vốn từ và phương pháp học từ vựng hiệu quả ở cấp độ cơ bản. Ngoài ra, người học còn rèn luyện kỹ năng trình bày ý kiến của mình cũng như phản biện các vấn đề được nêu ra trong bài đọc.
34	0161123643	Viết cao cấp	3	Học phần tập trung bồi dưỡng cho sinh viên cách xây dựng dàn ý, phát triển câu chủ đề, câu hỗ trợ, câu kết đoạn; cũng như sắp xếp, liên kết các ý cho bài luận học thuật trong tiếng Anh một cách hiệu quả. Trong học phần này, sinh viên sẽ luyện tập kỹ năng viết bài luận ngắn thuộc các thể loại khác nhau như so sánh - đối chiếu, trình bày quan điểm, nguyên nhân-giải pháp/ hệ quả. Trong mỗi bài học, sinh viên được cung cấp kiến thức ngữ pháp, ngôn ngữ cụ thể, phù hợp với từng thể loại văn.
35	0161123644	Nghe - nói cấp độ cao cấp	3	Học phần trang bị cho sinh viên một số kỹ năng nghe và nói hiệu quả trong tiếng Anh. Học phần này còn cung cấp vốn từ vựng liên quan đến một số chủ đề thông dụng hàng ngày như kinh tế, khoa học hành vi, tâm lý phát triển, khoa học, khoa học dinh dưỡng, giáo dục, nhân loại học và kỹ thuật. Ngoài ra, sinh viên còn được học các kỹ năng trình bày, giao tiếp bằng mắt, kỹ năng ghi chú, kỹ năng tư duy, kỹ năng lắng nghe... trong suốt quá trình học.
36	0161124146	Kiến tập định hướng ngành Ngôn ngữ Anh	1	Học phần cung cấp sinh viên cơ hội trải nghiệm, tham quan các mô hình kinh doanh, dịch vụ tại doanh nghiệp. Qua đó, giúp sinh viên định vị vị trí việc làm tương lai và đề ra kế hoạch học tập phù hợp.
37	0161124147	Biên phiên dịch	3	Học phần giúp cung cấp cho người học một số phương pháp dịch thuật căn bản. Sinh viên thực hành dịch các văn bản từ tiếng Anh sang tiếng Việt, tiếng Việt sang tiếng Anh về các chủ đề khác nhau trong các lĩnh vực:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
				xuất nhập khẩu, doanh nghiệp, tài chính ngân hàng, chứng khoán, các phạm trù kinh tế, tăng trưởng kinh tế, đầu tư kinh tế, ... các thỏa thuận thương mại cấp độ tiền trung cấp.
38	0161124151	Tiếng Anh nghiệp vụ văn phòng	2	Học phần cung cấp kiến thức về các vấn đề liên quan đến môi trường công sở như gặp gỡ khách hàng và ghi nhận thông tin khách hàng, soạn thảo email công việc, trao đổi công việc qua điện thoại. Học phần này cũng trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng nhất định về những vấn đề cơ bản trong một công ty và văn phòng thương mại. Cụ thể là giao dịch bằng bưu phiếu, séc, chi phiếu du lịch, thư tín dụng, điện chuyển tiền, hóa đơn, vận đơn, không vận đơn. Ngoài ra học phần này cũng giúp tạo ra môi trường giả lập văn phòng để cho sinh viên có cơ hội thực hành kiến thức chắc chắn trước khi bước vào môi trường thực tế.
39	0161121732	Tiếng Anh quản trị nhân sự	2	Học phần cung cấp kiến thức về các vấn đề liên quan đến nhân sự như: chức năng tuyển dụng nhân sự, cách viết bản mô tả công việc và bản tiêu chí tuyển chọn ứng viên, cách đăng thông tin tuyển dụng trên báo, cách đọc một bản sơ yếu lý lịch và các bước phỏng vấn ứng viên. Học phần này cũng trang bị cho người học những kiến thức về hợp đồng lao động, qui trình thực hiện kỷ luật nhân viên, sức khỏe và an toàn lao động, các phương pháp phát triển nguồn nhân lực, cách đánh giá nhân viên, cách viết bản giới thiệu một chương trình đào tạo, thực hiện sự bình đẳng trong cơ hội phát triển nghề nghiệp và đa dạng hóa đội ngũ nhân lực, các hình thức lương thưởng và cách thực hiện rà soát lương thưởng có thể vận dụng làm tốt công việc thực tế sau này.
40	0161124347	Biên dịch nâng cao (Advanced Translation)	2	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng dịch nâng cao; cách thức phân tích văn bản và ứng dụng kiến thức lý thuyết ngôn ngữ và dịch thuật vào thực hành dịch. Sinh viên phát triển được khả năng đánh giá bản dịch, nghiên cứu các phương pháp dịch hiệu quả. Ngoài ra, sinh viên có khả năng sử dụng từ vựng; cấu trúc câu ở mức độ cao cấp để

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
				chuyển dịch văn bản Anh-Việt và Việt – Anh; có kỹ năng xác định nghĩa của từ dựa trên ngữ cảnh, biết chọn từ thích hợp, sắp xếp trật tự từ, chọn cấu trúc câu phù hợp khi dịch, thể hiện mối liên kết văn bản như từ nối, từ thay thế, các từ ẩn.
41	0161124447	Thực tập tốt nghiệp	4	Học phần giúp người học có cơ hội được thực tập và làm việc tại cơ quan, doanh nghiệp. Đây là cơ hội để người học được ứng dụng những kiến thức vào thực tế như văn hóa doanh nghiệp, thực hành các kỹ năng nghề nghiệp. Học phần giúp người học có những điều chỉnh, bổ sung kiến thức trước khi gia nhập thị trường lao động.
42	0161124465	Văn hóa doanh nghiệp	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa doanh nghiệp, vai trò và các thành phần của văn hóa doanh nghiệp; cách thức xây dựng văn hóa doanh nghiệp, mối liên hệ giữa văn hóa doanh nghiệp và chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp; văn hóa doanh nghiệp tác động đến nguồn nhân lực và các mô hình văn hóa doanh nghiệp tiêu biểu.
43	0161124432	Thực hành kỹ năng nghề nghiệp	3	Học phần giúp cho sinh viên tiếp cận, tìm hiểu hoạt động của các doanh nghiệp; Tham gia tích cực vào các hoạt động được doanh nghiệp phân công, đặc biệt tham gia vào các khâu công tác mà sinh viên quan tâm nghiên cứu để hoàn thành nhiệm vụ học tập.
44	0161124555	Khóa luận tốt nghiệp	8	Học phần này dành cho người học đã học xong tất cả các học phần chuyên ngành bắt buộc của khóa học, thỏa điều kiện về điểm học tập của Khoa quy định, và có mong muốn đăng ký thực hiện đề tài học phần Khóa luận tốt nghiệp. Học phần yêu cầu người học thực hiện một đề tài dưới dạng thức là một dự án hay một bài tập lớn, có nội dung liên quan đến các kiến thức chuyên ngành của khóa học. Khi thực hiện khóa luận, người học sẽ được đề xuất đề tài hay được giao đề tài và được giảng viên phụ trách hướng dẫn khoa học. Sau thời gian thực hiện theo quy định, người học sẽ nộp báo cáo khóa luận đã thực hiện để được kiểm tra, đánh giá kết quả. Việc thực hiện khóa luận tốt nghiệp phải theo đúng quy định, thông báo của Khoa về các mốc thời gian,

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
				mẫu báo cáo thuyết minh và các quy định khác về việc bảo vệ khóa luận.
45	0161124556	Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	2	Học phần giới thiệu các nguyên tắc cơ bản về đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội vừa trên phân tích tiền đề các hành vi tốt-xấu trong quá trình làm việc. Học phần đưa ra những bức tranh đạo đức và trách nhiệm để giúp sinh viên làm việc có đạo đức và trách nhiệm với bản thân, doanh nghiệp và xã hội.
46	0161124560	Kỹ năng tìm việc và khởi nghiệp	2	Học phần giới thiệu các kiến thức, khái niệm cơ bản trong quá trình tiến hành khởi nghiệp và tìm việc. Học phần đưa ra những bước chuẩn bị và tiến hành theo thứ tự để sinh viên có cái nhìn tổng quát về các yêu cầu và giai đoạn thực tế khi tiến hành khởi nghiệp kinh doanh và tìm việc.
47	0161124203	Thực hành biên phiên dịch nâng cao	2	Học phần giúp người học nâng cao khả năng biên-phiên dịch với các bài học khó hơn trung cấp. Người học sẽ làm quen với lý thuyết dịch và áp dụng vào bài dịch cụ thể. Từ đó người học được nâng cao từ vựng song ngữ, biết sử dụng các công cụ dịch thuật hiệu quả, biết được cách phân tích và dịch văn bản, nắm được cấu trúc phức tạp đặc biệt của văn bản, so sánh và đối chiếu cấu trúc ngôn ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt. Người học sẽ học được kiến thức chuyên sâu về các hoạt động văn hoá, ngoại giao, truyền thông, tiếp thị, kinh doanh.
48	0161124154	Viết thư tín	2	Học phần hướng dẫn người học các loại văn bản và mẫu văn bản trong giao tiếp kinh doanh. Rèn kỹ năng thực hành viết thư tín theo chủ đề giao tiếp thực tế. Học phần giúp người học phát triển kỹ năng viết thư tín hiệu quả.
49	0161060029	Giáo dục quốc phòng và an ninh*	8*	<i>Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đường lối quân sự, công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; những kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</i>

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
50	0161123628	Giáo dục thể chất *	2*	Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Hiểu biết về tầm quan trọng của võ (Vovinam) đối với sức khỏe con người; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý những phản ứng sinh lý xấu khi tập luyện võ (Vovinam). Khi tập luyện võ (Vovinam) giúp tăng cường sức khỏe; tăng cường sức chịu đựng; cải thiện sức khỏe tinh thần; tăng tính kỷ luật...
51	0161060025	Giáo dục thể chất 2*	1*	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về rèn luyện sức khỏe bằng việc luyện tập nhảy dân vũ. Nhằm mục đích nâng cao hiệu quả giảng dạy học phần “Giáo dục thể chất”, tạo sân chơi bổ ích cho sinh viên có cơ hội sinh hoạt tập thể, thắt chặt tinh thần đoàn kết, tích lũy kiến thức, thực hành các kỹ năng được trang bị trong chương trình học tập ngoại khóa với các bài nhảy nhiều màu sắc khác nhau, thể hiện tính sáng tạo, khả năng làm việc nhóm, sự tự tin tham gia các hoạt động tập thể của sinh viên trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu.
52	0161123664	Mos Word*	2*	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức từ cơ bản như: thiết lập chung, định dạng kí tự, định dạng trang văn bản, tùy biến định dạng, chèn các đối tượng đến các chức năng nâng cao như: điều khiển luồng văn bản, liên kết, mục lục, trộn thư,... nhằm giúp sinh viên vận dụng các công cụ của phiên bản Microsoft Office Word một cách hiệu quả, giúp tiết kiệm nhiều thời gian cho việc xử lý văn bản ngắn cũng như văn bản dài nhiều trang, như báo cáo tiểu luận, luận văn,....
53	0161123665	Mos Excel*	2*	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức từ việc tạo, chỉnh sửa, định dạng dữ liệu, làm việc với công thức và in ấn các trang tính Excel đến việc sử dụng các công cụ của Microsoft Office Excel để trình bày, phân tích dữ liệu một cách hiệu quả.
54	0161121911	Mos Powerpoint*	2*	Học phần Mos Powerpoint cung cấp cho người học những kiến thức căn bản từ thiết lập chung trong MS Powerpoint, soạn thảo, định dạng nội dung cho trang chiếu (slide), chèn và tùy chỉnh các đối tượng đồ họa, đa phương tiện, thiết lập hiệu ứng cho slide và các đối

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
				<i>tượng trên slide đến các thiết lập tùy chỉnh trình chiếu để xây dựng bài thuyết trình lời cuốn, ấn tượng nhanh chóng và hiệu quả.</i>
55	0161124313	<i>Kỹ năng giao tiếp liên văn hóa</i>	3*	Học phần nhằm giúp sinh viên trở thành những chủ thể giao tiếp tự tin và hiệu quả thông qua việc trang bị cho họ những kiến thức cơ bản về văn hóa và giao tiếp liên văn hóa. Nắm vững những kiến thức cơ bản này, người học sẽ hiểu và tôn trọng sự khác biệt và đa dạng văn hóa trong các tình huống giao tiếp đa văn hóa trong học thuật, trong kinh doanh và trong các sự kiện văn hóa xã hội. Với hướng tiếp cận theo hướng thực hành thông qua các hoạt động tình huống và mô phỏng, học phần cũng đồng thời giúp người học phát triển kỹ năng nhận diện và xử lý các vấn đề liên quan đến khác biệt văn hóa, có cách ứng xử phù hợp, tránh các xung đột văn hóa, cũng như giải quyết các tình huống phát sinh hiệu quả trong giao tiếp liên văn hóa. Học phần cũng giúp người học rèn luyện tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm và năng lực tự học thông qua việc nắm vững mục tiêu, nội dung và yêu cầu của học phần, đọc tài liệu để chuẩn bị cho bài học trước khi lên lớp và tham gia tích cực vào các hoạt động thảo luận, hoạt động nhóm, thuyết trình, hoàn thành dự án... trong và sau giờ lên lớp.
56	0161124204	<i>Tiếng Nhật CDR 1*</i>	3*	<i>Học phần này giúp người học phát triển vốn từ vựng, mẫu câu ngữ pháp theo chủ điểm bài học. Người học hình thành kỹ năng vận dụng vốn từ vựng, các cách diễn đạt được học để phát triển giao tiếp, thao tác trên bài đọc hiểu, luyện viết theo chủ đề về ngày nghỉ, bản thân và gia đình, thời tiết và mùa, thành phố quê hương.</i>
57	0161124205	<i>Tiếng Nhật CDR 2*</i>	3*	<i>Học phần này giúp người học phát triển vốn từ vựng, mẫu câu ngữ pháp theo chủ điểm bài học. Tự giác vận dụng vốn từ vựng, các cách diễn đạt được học để phát triển giao tiếp, thao tác trên bài đọc hiểu, luyện viết theo chủ đề về việc đi chơi bên ngoài, ngoại ngữ và văn hóa nước ngoài, chủ đề ăn uống bên ngoài, chuyển đi công tác.</i>
58	0161124206	<i>Tiếng Nhật CDR 3*</i>	3*	<i>Học phần này giúp người học phát triển vốn từ vựng, mẫu câu ngữ pháp theo chủ điểm bài học. Tự giác vận</i>

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
				<i>dụng vốn từ vựng, các cách diễn đạt được học để phát triển giao tiếp, thao tác trên bài đọc hiểu, luyện viết theo chủ đề về sức khỏe, văn hóa tặng quà, bạn bè, chủ đề về ăn uống tại nhà hàng.</i>
59	0161124207	<i>Tiếng Nhật CĐR 4*</i>	3*	<i>Học phần này giúp người học phát triển vốn từ vựng, mẫu câu ngữ pháp theo chủ điểm bài học. Tự giác vận dụng vốn từ vựng, các cách diễn đạt được học để phát triển giao tiếp, thao tác trên bài đọc hiểu, luyện viết theo chủ đề về du lịch, lễ hội Nhật Bản, những ngày lễ tết đặc biệt trong năm. Tổng hợp kiến thức ngôn ngữ, học tập kỹ năng phân tích, xử lý các bài thi Năng lực Nhật ngữ mẫu để có thể tiếp cận kỳ thi theo cấp độ phù hợp.</i>
60	0161124208	<i>Tiếng Trung CĐR 1*</i>	3*	<i>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về từ vựng và kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung cơ bản về chủ đề trường học, xe cộ, sức khỏe và luyện tập các dạng bài thi HSK</i>
61	0161124209	<i>Tiếng Trung CĐR 2*</i>	3*	<i>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về từ vựng và kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung cơ bản và luyện dịch...</i>
62	0161124210	<i>Tiếng Trung CĐR 3*</i>	3*	<i>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về từ vựng và kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung cơ bản và luyện dịch cấp độ 2...</i>
63	0161124211	<i>Tiếng Trung CĐR 4*</i>	3*	<i>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về từ vựng và kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung cơ bản và luyện dịch cấp độ 3.</i>
64	0161124212	<i>Tiếng Hàn CĐR 1*</i>	3*	<i>Học phần cung cấp cho người học các từ vựng, ngữ pháp căn bản. Dựa vào đó, sinh viên sẽ làm bài tập và thực hành giao tiếp, đặt các câu theo từ vựng và ngữ pháp đã học thuộc các chủ đề: thời tiết, điện thoại, du lịch, sở thích, giao thông.</i>
65	0161124213	<i>Tiếng Hàn CĐR 2*</i>	3*	<i>Học phần cung cấp cho người học các từ vựng, ngữ pháp căn bản. Dựa vào đó, sinh viên sẽ làm bài tập và thực hành giao tiếp, đặt các câu theo từ vựng và ngữ pháp đã học thuộc các chủ đề: gặp gỡ, hẹn gặp, mua sắm, bệnh viện, thư tín.</i>
66	0161124214	<i>Tiếng Hàn CĐR 3*</i>	3*	<i>Học phần cung cấp cho người học các từ vựng, ngữ pháp căn bản. Dựa vào đó, sinh viên sẽ làm bài tập và thực hành giao tiếp, đặt các câu theo từ vựng và</i>

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
				<i>ngữ pháp đã học thuộc các chủ đề: điện thoại, giao thông, phim ảnh, ngoại hình, ngày nghỉ.</i>
67	0161124215	Tiếng Hàn CDR 4*	3*	<i>Học phần cung cấp cho người học các từ vựng, ngữ pháp căn bản. Dựa vào đó, sinh viên sẽ làm bài tập và thực hành giao tiếp, đặt các câu theo từ vựng và ngữ pháp đã học thuộc các chủ đề: du lịch, nơi công cộng, kế hoạch, đô thị, cuộc sống tại Hàn Quốc.</i>
68	0161120307	Phiên dịch (Interpretation)	3	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành chuyên sâu trong lĩnh vực phiên dịch. Nội dung học phần bao gồm các cấp độ và loại hình phiên dịch, tiêu chí và đạo đức nghề nghiệp của người phiên dịch, cùng các kỹ năng then chốt như nghe hiểu, ghi nhớ, ghi chép, sử dụng từ đồng nghĩa - kết hợp từ, diễn giải và tái diễn đạt, đơn giản hoá, giải thích tên riêng, và kỹ năng trình bày. Thông qua các bài học lý thuyết kết hợp với thực hành, học phần giúp sinh viên phát triển năng lực phiên dịch hiệu quả trong nhiều bối cảnh khác nhau, nâng cao tư duy phản biện và kỹ năng truyền đạt thông tin chính xác, linh hoạt.
69	0161120146	Ngôn ngữ học đối chiếu (Linguistic comparison)	3	Học phần Ngôn ngữ học đối chiếu có phạm vi bao quát một lúc nhiều ngôn ngữ, thông thường là từng cặp ngôn ngữ của hai dân tộc tương ứng. Nhiệm vụ khám phá của nó là tìm ra sự giống nhau và khác nhau của hai phạm vi thuộc hai ngôn ngữ được đưa vào nghiên cứu. Những nghiên cứu theo loại này mang tính chất xuyên ngữ và liên/xuyên văn hóa, nghĩa là việc nghiên cứu bao giờ cũng liên đới với hai ngôn ngữ, đồng thời hai nền văn hóa. Việc tiếp cận các sự kiện ngôn ngữ bao giờ cũng liên đới với các sự kiện văn hóa của ngôn ngữ tương ứng, liên đới chứ không đồng nhất, không lẫn lộn, ngay cả trường hợp ngôn ngữ được xem như một sự kiện văn hóa.

IX. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

1. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy vai trò chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

Phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong Đề cương chi tiết học phần đảm bảo đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của cả chương trình đào tạo.

2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra mỗi học phần, mỗi thành phần và chương trình đào tạo.

Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến chương trình đào tạo.

Hình thức đánh giá kết quả học tập được quy định cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo hiện hành, đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Chương trình sử dụng thang điểm 10 để đánh giá học phần, quy tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ

Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ của chương trình đào tạo đáp ứng các yêu cầu quy định tại các văn bản hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo đáp ứng các yêu cầu quy định tại các văn bản hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

X. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN: Đính kèm

HIỆU TRƯỞNG

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày ... tháng ... năm 20.....

P. TRƯỞNG KHOA

PGS. TS. LS Nguyễn Thị Hoài Phương

ThS. Lâm Ngọc Như Trúc

